CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP ĐĂK GLEI

Biểu số 02.C

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 105/BC-CTy ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Glei)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	01/01/2021 đến 30/06/2021	01/01/2022 đến 30/06/2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	01/01/2023 đến 30/06/2023	01/01/2021-30/06/2021	01/01/2022-30/06/2022	Kế hoạch năm 2023
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
- Dịch vụ môi trường rừng (ha)	19.990,70	20.074,54	20.058,78	20.058,78	100,34	99,92	100,00
- Khai thác lâm sản phụ ngoài gỗ (tấn)	70,00	60,00	-	-	-	-	
- Khai thác gỗ rừng trồng (ha)	-	17,56	15,76	-	-	-	-
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
- Dịch vụ môi trường rừng (ha)	19.990,70	20.074,54	20.058,78	20.058,78	100,34	99,92	100,00
- Khai thác lâm sản phụ ngoài gỗ (tấn)	70,00	60,00	-	-	-	-	-
- Khai thác gỗ rừng trồng (ha)	-	17,56	15,76	-	-	-	-
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.613,37	8.932,16	14.960,72	6.817,47	103,09	76,32	45,57
2. Giá vốn hàng bán	4.940,13	6.782,63	11.522,95	5.364,81	108,60	79,10	46,56
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.673,24	2.149,53	3.437,77	1.452,66	86,82	67,58	42,26
4. Doanh thu hoạt động tài chính	0,66	1,16	3,50	2,65	401,52	228,45	75,71
5. Chi phí tài chính							
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.734,97	1.949,55	3.281,05	1.579,66	91,05	81,03	48,14
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(61,07)	201,14	160,22	(124,35)	-	-	-
9. Thu nhập khác	135,31	168,89	225,18	217,23	160,54	128,62	96,47
10. Chi phí khác	6,55	196,98	-	62,92	960,61	31,94	
11. Lợi nhuận khác	128,76	(28,09)	225,18	154,31	119,84	-	68,53
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67,69	173,05	385,40	29,96	44,25	17,31	7,77
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	14,85	-	45,73	18,58	125,12	-	40,63
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	52,84	173,05	339,67	11,38	21,53	6,57	3,35

GHI CHÚ: Cột (1), (2): Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Huyền

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 6100139119 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP ĐĂK GLEI - H. ĐĂK GLEI - T. KON TUM

Nguyễn Quốc Tuấn